

**NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG  
(PUBLIC HEALTH)  
MÃ SỐ: 7720701**

## **1. Mục tiêu đào tạo**

### ***1.1. Mục tiêu chung***

Đào tạo Cử nhân Y tế công cộng có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở, y tế công cộng để tham gia phát hiện và tổ chức giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

### ***1.2. Mục tiêu cụ thể***

#### ***1.2.1. Về thái độ:***

- Nhận thức được tầm quan trọng của các nguyên lý Y tế công cộng.
- Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của cộng đồng về các nhu cầu sức khỏe và các giải pháp can thiệp nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng.
- Cầu thị và hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành.
- Trung thực và khách quan, có tinh thần ham học, vượt khó khăn, tự học vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời.

#### ***1.2.2. Về kiến thức:***

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho Y tế công cộng.
- Trình bày được các nguyên lý và khái niệm cơ bản về y tế công cộng.
- Trình bày được cách phát hiện và xử trí các vấn đề sức khỏe phổ biến ở cộng đồng.
- Trình bày được các yếu tố quyết định sức khỏe.
- Nắm vững phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, nâng cao sức khỏe.
- Nắm vững kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học.
- Nắm vững chính sách, pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

#### ***1.2.3. Về kỹ năng:***

- Xác định các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng.
- Xác định được các vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng và đưa ra những chiến lược và biện pháp giải quyết thích hợp.
- Lập kế hoạch, đề xuất những giải pháp và tổ chức các hoạt động bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.

- Theo dõi và tham gia đánh giá được việc thực hiện các chương trình sức khỏe tại cộng đồng.

- Giám sát, phát hiện sớm bệnh dịch và tổ chức phòng chống dịch tại cộng đồng.

- Giáo dục sức khỏe cho cộng đồng nhằm xây dựng lối sống và hành vi có lợi cho sức khỏe.

**1.2.4. Chức danh tốt nghiệp:** Cử nhân Y tế công cộng

**1.2.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:**

Trường Đại học, Viện nghiên cứu, Trung tâm Y tế Dự phòng, Sở Y tế, các Trung tâm Y tế và các cơ sở Y tế khác có liên quan đến Y tế Công Cộng và Y học Dự phòng.

**2. Thời gian đào tạo : 4 năm**

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá : 133 đơn vị tín chỉ**

(chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	T H
<b>I</b>		<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>32</b>	<b>29</b>	<b>3</b>
		<b>1.1. Các môn chung:</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>0</b>
1	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	Y.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	Y.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	Y.NNKC.1.01.7	Ngoại ngữ không chuyên	7	7	0
7	C.NNG.1.02.2	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	2	0
		<b>1.2. Các môn cơ sở khối ngành:</b>	<b>12</b>	<b>9</b>	<b>3</b>
8	N.KCB.2.01.3	Tin học và Xác suất – Thống kê y học	3	2	1
9	N.KCB.2.02.3	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	3	2	1
10	N.KCB.2.04.2	Sinh học và di truyền	2	1	1
11	Y.YCC.5.08.2	Nghiên cứu khoa học	2	2	0
12	Y.YCC.2.01.2	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	2	2	0
<b>II</b>		<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>105</b>	<b>60</b>	<b>45</b>
		<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành:</b>	<b>19</b>	<b>11</b>	<b>8</b>
13	N.GPH.3.01.3	Giải phẫu	3	2	1
14	N.SLY.3.01.2	Sinh lý	2	1	1
15	N.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	1	1
16	N.SHY.3.01.2	Hóa sinh	2	1	1
17	N.VSY.3.01.2	Vi sinh	2	1	1

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	T H
18	N.KST.3.01.2	Ký sinh trùng	2	1	1
19	C.NOI.3.01.3	Các bệnh thông thường 1	3	2	1
20	C.NOI.3.02.3	Các bệnh thông thường 2	3	2	1
		<b>2.2. Kiến thức ngành:</b>	<b>44</b>	<b>32</b>	<b>12</b>
33	C.SAN.4.01.2	Sức khỏe sinh sản	2	2	0
29	P.YCC.5.21.2	Y học thảm họa	2	2	0
21	C.YCC.4.03.2	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	2	0
22	C.YCC.4.04.2	Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản	2	2	0
23	C.YCC.4.05.3	Quản lý dịch vụ y tế	3	3	0
24	C.YCC.4.06.3	Kế hoạch y tế	3	2	1
25	C.YCC.4.07.2	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	2	2	0
26	C.YCC.4.09.2	Chính sách y tế	2	2	0
27	C.YCC.4.10.2	Dịch tễ học cơ bản	2	2	0
28	C.YCC.4.11.2	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	2	1	1
30	C.YCC.4.13.2	Sức khỏe môi trường cơ bản	2	1	1
31	C.YCC.4.14.2	Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản	2	1	1
32	C.YCC.4.15.3	Nâng cao sức khỏe	3	2	1
34	C.YCC.4.16.2	Dân số và phát triển	2	2	0
35	C.YCC.4.17.2	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2	1	1
36	C.YCC.4.18.2	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1
37	C.YCC.4.19.3	Nhân học và Xã hội học Sức khỏe	3	3	0
38	C.YCC.4.20.2	Nghiên cứu định tính	2	1	1
39	C.YCC.4.21.2	Thực tập cộng đồng 1	2	0	2
40	C.YCC.4.22.2	Thực tập cộng đồng 2	2	0	2
		<b>2.3. Kiến thức bổ trợ (tự chọn):</b>	<b>31</b>	<b>14</b>	<b>17</b>
39	C.YCC.5.23.2	Dinh dưỡng học cơ bản và khoa học thực phẩm	2	1	1
40	C.YCC.5.24.2	Thiết kế đánh giá chương trình y tế	2	1	1
41	C.YCC.5.25.2	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	2	1	1
42	C.YCC.5.26.2	Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm	2	1	1
43	C.YCC.5.27.2	Quản lý nguy cơ Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp	2	1	1
44	C.YCC.5.28.3	Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm và bệnh truyền nhiễm	3	2	1
45	C.YCC.5.29.2	Đánh giá chương trình Nâng cao sức khỏe	2	1	1

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	T H
46	C.YCC.5.30.2	Thống kê dân số y tế	2	1	1
47	C.YCC.5.31.2	Phân tích số liệu bằng các phần mềm thống kê chuyên dụng	2	1	1
48	C.YCC.5.32.2	Quản lý dự án	2	2	0
49	C.YCC.5.33.2	Chương trình Phòng chống HIV/AIDS	2	1	1
50	C.YCC.5.34.2	Quản lý nguy cơ an toàn thực phẩm	2	1	1
51	C.YCC.4.52.3	Thực tế nghề nghiệp 1	3	0	3
52	C.YCC.4.53.3	Thực tế nghề nghiệp 2	3	0	3
		<b>2.4. Tốt nghiệp:</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
53	C.YCC.4.57.7	Khóa luận	7	3	0
54	C.YCC.4.58.4	Lý thuyết	3	0	4
55	C.YCC.4.59.3	Thực hành	4	0	4
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>133</b>	<b>89</b>	<b>44</b>
<b>III</b>		<b>Các học phần thay thế</b>			
1	P.YCC.5.38.2	Sức khỏe tình dục	2	2	0
2	C.YCC.5.44.2	Sức khỏe trường học	2	1	1
3	C.YCC.5.25.2	Truyền thông và tiếp thị xã hội	2	1	1
4	C.YCC.5.35.2	Phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch dinh dưỡng và thực phẩm	2	1	1
5	C.YCC.5.45.2	Điều tra một vụ dịch	2	1	1